

Số: 1075/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 05 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 24/TTr-SCT ngày 28/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 (chín) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 03 (ba) thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh (file điện tử);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Hoàn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CÔNG
THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1075 /QĐ-UBND ngày 05 /5/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (thủ tục số 01 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hồ sơ (mẫu đơn); - Yêu cầu điều kiện TTHC; - Căn cứ pháp lý. 	<p>Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung /bị bãi bỏ, thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</p>
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (thủ tục số 02 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (thủ tục số 03 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu (thủ tục số 04 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (thủ tục số 05 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (thủ tục số 06 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		

7	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (thủ tục số 10 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hồ sơ (mẫu đơn); - Yêu cầu điều kiện TTHC; - Căn cứ pháp lý. 	<p>Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung /bị bãi bỏ, thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</p>
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (thủ tục số 11 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		
9	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (thủ tục số 12 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên Thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (thủ tục số 07 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<p>Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung /bị bãi bỏ, thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</p>
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (thủ tục số 08 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	
3	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (thủ tục số 09 phần I Phục lục kèm theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	

PHẦN II: NỘI DUNG TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.

Thủ tục 01. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện;

- Bước 2: Cán bộ nhận hồ sơ và kiểm tra:

+ Hồ sơ hợp lệ thì viết giấy hẹn cho tổ chức cá nhân. Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện, tiến hành thẩm định điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện có văn bản yêu cầu bổ sung.

+ Trường hợp không cấp giấy phép Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Lập và Lưu giữ: Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép, 01 bản gửi cơ sở được cấp giấy phép, 01 bản gửi Sở Công Thương.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: *Nộp qua bưu điện, nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.*

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.2. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

- Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

4. Thời hạn giải quyết: 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

8. Lệ phí: Theo Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Phí thẩm định điều kiện kinh doanh đề cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

- Quyết định số 668a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của bộ công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: “Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung”

Mẫu số 01*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 Chính Phủ)*

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP.....⁽¹⁾.....Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

(5)
.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

(6) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

Thủ tục 02. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực:

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hiệu lực của giấy phép 30 (ba mươi) ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

1.2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất, hoặc bị hỏng:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đến Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 2: Cán bộ nhận hồ sơ và kiểm tra:

+ Hồ sơ hợp lệ thì viết giấy hẹn cho tổ chức cá nhân. Trong thời hạn 4.2 (bốn phẩy hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện xem xét và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (*Mẫu 07 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP*).

+ Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: *Nộp qua bưu điện, nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.thaibinh.gov.vn.*

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

3.2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:

- Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

- Bản gốc hoặc bản sao đã cấp (nếu có).

4. Thời hạn giải quyết: 4.2 (bốn phẩy hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/ Phòng Công Thương/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

8. Lệ phí: Theo Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- *Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.*
- *Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.*

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*
- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
- *Quyết định số 668a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của bộ công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

Ghi chú: “Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung”

Mẫu số 03*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp lại giấy phép(1).....****(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**Kính gửi:⁽²⁾

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép⁽¹⁾ đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...

Giấy phép...⁽¹⁾.....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số
do..... cấp ngày..... tháng..... năm

.....⁽³⁾ đề nghị⁽²⁾ xem xét cấp lại Giấy phép⁽¹⁾
....., với lý do cụ thể như sau:⁽⁴⁾ ..

.....⁽³⁾xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / Thái Bình, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP(1).....

(Cấp lại lần thứ...)

TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ (KINH TẾ VÀ HA TÀNG)

Căn cứ (2)

Căn cứ Nghị định số .../2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

Căn cứ Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày...tháng....năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Giấy phép⁽¹⁾..... số..... do..... cấp ngày... tháng ... năm

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép....⁽¹⁾ số ngày..... tháng năm của
.....⁽³⁾

Theo đề nghị của (4)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép (1)

Cho phép:⁽³⁾

Trụ sở tại:..... Điện thoại:.....

Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh (nếu có):..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

(Tùy vào loại giấy phép mà thương nhân đề nghị cấp, cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện một trong các nội dung dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:⁽⁵⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: (6)

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:⁽⁷⁾

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu trong nước, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:⁽⁷⁾

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:⁽⁷⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽³⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thời hạn của giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng ... năm/.

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-⁽³⁾;
-⁽⁸⁾;
- Lưu: VT,⁽⁴⁾.

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.

⁽³⁾: Tên thương nhân được cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Tên cơ quan, đơn vị trình.

⁽⁵⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁶⁾: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

⁽⁷⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ.

⁽⁸⁾: Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi giấy phép.

Thủ tục 03. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

Bước 2: Cán bộ nhận hồ sơ và kiểm tra:

+ Trong thời hạn 4.2 (bốn phẩy hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện xem xét, và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: *Nộp qua bưu điện, nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.thaibinh.gov.vn.*

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo mẫu 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

3.2. Số lượng: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: *4,2 (bốn phẩy hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

8. Lệ phí: Theo Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo mẫu 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- *Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.*

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

- *Quyết định số 668a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của bộ công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

Ghi chú: “Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung”

Mẫu số 02*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)***TÊN THƯƠNG NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**Kính gửi:⁽²⁾

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngàytháng..... năm.....;

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) sốdo..... cấp ngày..... tháng..... năm⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:**1. Sửa đổi:**

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾**2. Bổ sung:**⁽⁴⁾

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**

- ⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.
- ⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- ⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.
- ⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 06*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)***TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

Thái Bình, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP(1).....**(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)****TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ (KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG)**Căn cứ⁽²⁾

Căn cứ Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

Căn cứ Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Giấy phép⁽¹⁾..... số do cấp ngày tháng ... năm ...Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép⁽¹⁾..... số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....⁽³⁾.....;Theo đề nghị của⁽⁴⁾**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Giấy phép⁽¹⁾..... số như sau:⁽⁵⁾**Điều 2.** Giấy phép này là một phần không thể tách rời của Giấy phép⁽¹⁾..... số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....**Điều 3.** Trách nhiệm thực hiện.....⁽³⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan./*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Nơi nhận:**

-⁽³⁾;
-⁽⁶⁾;
- Lưu: VT,⁽⁴⁾.

Chú thích:⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu⁽²⁾: Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.

- ⁽³⁾: Tên thương nhân được cấp giấy phép.
- ⁽⁴⁾: Tên cơ quan, đơn vị trình.
- ⁽⁵⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.
- ⁽⁶⁾: Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi giấy phép.

Thủ tục 04. Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.

1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Thương nhân bán lẻ rượu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu về Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 2: Cán bộ nhận hồ sơ và kiểm tra:

+ Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp giấy phép. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: *Nộp qua bưu điện, nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.thaibinh.gov.vn.*

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

- Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm điểm bán lẻ.

- Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 06 (sáu) ngày kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu.

8. Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu:

* Đối với tổ chức, doanh nghiệp:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

* Đối với hộ kinh doanh, cá nhân:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 400.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có);

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 668a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của bộ công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: “Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung”

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)

TÊN THƯỜNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(1)

.....

Kính gửi:⁽²⁾

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị.....⁽²⁾ xem xét cấp Giấy phép.....⁽¹⁾, cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: (3)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: (4)

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....⁽⁵⁾

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:.....⁽⁵⁾

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

(5)

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

(6) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

Thủ tục 05. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp có thay đổi nội dung Giấy phép, thương nhân bán lẻ rượu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu về Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 2:

+ Trong thời hạn 4,2 (bốn phẩy hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện có trách nhiệm xem xét và cấp sửa đổi bổ sung giấy phép. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: *Nộp qua bưu điện, nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.thaibinh.gov.vn.*

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

-Bản sao Giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 4,2 (bốn phẩy hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng kinh tế và hạ tầng huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.

8. Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu:

* Đối với tổ chức, doanh nghiệp:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

* Đối với hộ kinh doanh, cá nhân:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 400.000 đ/điểm kinh doanh /lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 668a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: “Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung”

Mẫu số 02*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/20 của Chính phủ)***TÊN THƯƠNG NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: /****....., ngày tháng năm****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP(1).....**Kính gửi:⁽²⁾

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng..... năm;

Giấy phép.....⁽¹⁾.... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng nămGiấy phép...⁽¹⁾.... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm⁽³⁾.... đề nghị⁽²⁾.... xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:**1. Sửa đổi:**

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾**2. Bổ sung:**⁽⁴⁾

.....⁽³⁾.... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

- ⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.
- ⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- ⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.
- ⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

Thủ tục 06. Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu.

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hiệu lực của giấy phép 30 ngày.

Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính cấp lại đối với quy định tại trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

1.2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng giấy phép

+ Thương nhân bán lẻ rượu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép bán lẻ rượu về Trung tâm Hành chính công huyện.

+ Trong thời hạn 4,2 (bốn phẩy hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện có trách nhiệm xem xét cấp giấy phép. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: *Nộp qua bưu điện, nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.thaibinh.gov.vn.*

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp cấp lại do giấy phép hết thời hạn hiệu lực:

Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đã được cấp (nếu có);

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 4,2 (bốn phẩy hai) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Thương nhân.*

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu cấp lại.

8. Lệ phí:

8.1. Trường hợp cấp lại do giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu:

* Đối với tổ chức, doanh nghiệp:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

* Đối với hộ kinh doanh, cá nhân:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 400.000 đ/điểm kinh doanh /lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

8.2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Mẫu đơn đề nghị cấp lại theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.*

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 668a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của bộ công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: “Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung”

Mẫu số 03**(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)****TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: / , ngày tháng năm****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại giấy phép.....⁽¹⁾.....
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)****Kính gửi:.....⁽²⁾.....****Tên thương nhân:****Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....****Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại: Fax:****Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm****Giấy phép.....⁽¹⁾... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm****Giấy phép...⁽¹⁾... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm****.....⁽³⁾..... đề nghị ..⁽²⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép.....⁽¹⁾..., với lý do cụ thể như sau:..⁽⁴⁾.....****.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.****Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))****Chú thích:⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.****⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.****⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.****⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.**

Thủ tục 07. Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ (về Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện) tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

- Bước 2: Cán bộ nhận hồ sơ và kiểm tra:

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/ Phòng kinh tế và hạ tầng huyện có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và Cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: *Nộp qua bưu điện, nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.thaibinh.gov.vn.*

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 23, kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương).

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu của thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

3.2. Số lượng hồ sơ:

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định; 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện, thương nhân lưu 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề bán lẻ thuốc lá.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

8. Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu:

- Tại Thành phố: 1.200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Tại các huyện: 600.000 đ/ điểm kinh doanh/lần thẩm định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- *Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;*
- *Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;*
- *Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.*

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 668a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của bộ công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: “Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung”

32

kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(*họ và tên, ký tên, đóng dấu*)

Chú thích:

- (1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Thủ tục 08. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 01 bộ hồ sơ theo quy gửi về Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 2: Cán bộ nhận hồ sơ và kiểm tra:

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện có trách nhiệm xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

+ Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: *Nộp qua bưu điện, nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.thaibinh.gov.vn.*

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;
- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Thương nhân.*

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

8. Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu:

* Đối với tổ chức, doanh nghiệp:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

* Đối với hộ kinh doanh, cá nhân:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 400.000 đ/điểm kinh doanh /lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 46 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012.
- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.
- Quyết định số 668a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của bộ công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: “Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung”

PHỤ LỤC 46

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ
SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế Thành phố/ Phòng Kinh tế và hạ tầng....(1)

1. Tên thương nhân :
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
 7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)(2)....
- ...(ghi rõ tên thương nhân)...(3) kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây*):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
 - Thông tin cũ:.....
 - Thông tin mới:.....
 9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(4)
 - Đề tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(5)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(6)

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Thủ tục 09. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

1.2. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

- Bước 1: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 01 bộ hồ sơ gửi về Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 2: Cán bộ nhận hồ sơ và kiểm tra:

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện có trách nhiệm xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

+ Trường hợp thương nhân không đáp ứng được yêu cầu điều kiện theo quy định Phòng Kinh tế Thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện, nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.thaibinh.gov.vn.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Trường hợp Giấy phép đã được cấp hết thời hạn hiệu lực, hồ sơ cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

3.2. Trường hợp giấy phép bị mất, bị tiêu hủy hoàn toàn hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại; Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương)

- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình/ Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

8. Lệ phí:

Theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu:

* Đối với tổ chức, doanh nghiệp:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000 đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

* Đối với hộ kinh doanh, cá nhân:

- Thuộc địa bàn thành phố: Phí thẩm định: 400.000 đ/điểm kinh doanh /lần thẩm định.

- Ở các khu vực khác: Mức thu tương ứng bằng 50% mức thu nêu trên.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có);

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012.

- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng

hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- *Quyết định số 668a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của bộ công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

Ghi chú: “Phần in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung”

41

Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.